

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 18/3/2021

Cho đến nay, mặc dù đã quá hạn trả nợ và anh đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông V không trả cho anh số tiền trên. Vì vậy, anh khởi kiện yêu cầu vợ

chồng ông V – bà B phải trả cho anh số tiền 60.000.000 đồng và lãi suất theo lãi suất ngân hàng, tính từ ngày 10/12/2019.

Tại các bản tự khai ngày 09/11/2020, 05/01/2021; Biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2020 và các Biên bản làm việc, bị đơn là ông Đỗ Hồng V trình bày: Khi biết anh T có nguồn vốn cho vay lãi ngày nên ông có đứng ra vay hộ cho 3 người là anh Du, anh Cường, anh Thực. Tổng cộng ông có ký vay nhiều lần với anh T với tổng số tiền là 60.000.000đ với lãi suất 5000đ/triệu/ngày. Ngay sau khi nhận tiền của anh T, ông đưa luôn cho anh Du, anh Cường, anh Thực. Cho đến nay, ông xác định đã trả hết nợ cho anh T (trả được tổng cộng 65.000.000đ) nhưng vì tin tưởng nhau nên ông không yêu cầu anh T viết giấy nhận tiền, mà anh T chỉ trả lại các Giấy tờ vay cho ông. Đối với giấy vay tiền ngày 10/12/2019 với số tiền 60.000.000đ, mục đích ông viết cho anh T để anh T đôn đốc đòi tiền của những người ông đã vay hộ. Nay ông xác định không còn nợ anh T nữa nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2020, đồng bị đơn là bà Bà Trần Thị B (Trần Thị Thanh B) trình bày: Bà là vợ ông V nhưng bà không biết việc ông V vay tiền của anh T, bà cũng chưa bao giờ cùng ông V đến nhà anh T để vay tiền nên bà không có nghĩa vụ gì đối với anh T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là Nguyễn Xuân T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng ông V trả số tiền gốc là 60.000.000đ, anh tự nguyện không yêu cầu tính lãi chậm trả, chỉ yêu cầu tiền lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật. Nếu ông V đồng ý trả tại phiên tòa thì anh tự nguyện cho thêm ông V 10.000.000đ tiền gốc, tức là chỉ yêu cầu 50.000.000đ. Bị đơn là ông Đỗ Hồng V chỉ chấp nhận trả anh T 30.000.000đ nên anh T giữ nguyên yêu cầu trả 60.000.000đ tiền gốc. Đồng bị đơn là bà B vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên Tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự có thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Áp dụng các Điều 471, 398, 400, 401, Điều 288 khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; 35, 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân T, buộc ông Đỗ Hồng V phải thanh toán trả anh Nguyễn Xuân T số tiền gốc là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự cho ông Đỗ Hồng V. Trả lại cho anh Nguyễn Xuân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù đồng bị đơn là bà Trần Thị Thanh B (Trần Thị B) vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lần thứ 2 nên cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà B.

[2]. Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Xuân T về việc đòi vợ chồng ông V – bà B trả số nợ gốc 60.000.000đ: Căn cứ đơn khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu chứng cứ nộp kèm theo là bản gốc giấy biên nhận vay tiền ngày 10/12/2019 mà phía nguyên đơn đưa ra, đồng thời căn cứ vào sự thừa nhận của ông V về việc có vay của anh T nhiều lần với tổng cộng số tiền 60.000.000đ, thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 10/12/2019, có đủ cơ sở xác định ông Đỗ Hồng V vay của anh Nguyễn Xuân T số tiền gốc là 60.000.000đ. Mặc dù ông V trình bày về việc đã trả hết nợ cho anh T nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, mặt khác anh T không thừa nhận việc ông V đã trả nợ, do đó, không có căn cứ xác định ông V đã trả nợ.

Theo Giấy vay tiền ngày 10/12/2019 có ghi thời hạn trả nợ là 08/02/2020 (âm lịch) nhưng đến nay ông V chưa trả nợ cho anh T. Việc ông V không trả nợ cho anh T khi đến hạn theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc đòi ông V số tiền 60.000.000đ.

Đối với yêu cầu của anh T về việc yêu cầu bà B (vợ ông V) phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng ông V, Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch vay tiền của anh T do 1 mình ông V thực hiện, mặc dù ông V có viết tên bà B vào Giấy vay tiền nhưng bà B không có mặt, không ký vào văn bản đó, bà B cũng không biết việc vay tiền của ông T. Mặt khác, ông V khai mục đích vay tiền là vay hộ cho người khác, do đó, số tiền ông V vay không phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ chồng ông V nên bà B không phải liên đới cùng ông V trong việc trả nợ cho anh T. Vì vậy, yêu cầu của anh T về nghĩa vụ liên đới của bà B không được chấp nhận.

Về lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là không yêu cầu tiền lãi suất chậm trả (chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay). Xét thấy việc thay đổi này là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu đòi nợ của anh T được chấp nhận anh T không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông V là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 147, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275, 463; 466 của Bộ luật dân sự; Điều 12, 18, 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân T, buộc ông Đỗ Hồng V phải trả anh Nguyễn Xuân T số tiền gốc đã vay là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 – Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đỗ Hồng V.

Trả lại cho anh Nguyễn Xuân T số tiền 1.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp heo biên lai số 0003983 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hoà
- Chi cục THA DS Hiệp Hoà
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh hà